

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN HOÀNG LIÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN HOÀNG LIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG LIEN MINERAL EXPLOITED SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG LIEN MES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108344479

3. Ngày thành lập: 29/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (loại trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
4.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ Đầu giá bán lẻ qua internet)	4791
5.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
6.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	2599
7.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
10.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
11.	Khai thác và thu gom than non	0520
12.	Khai thác quặng sắt	0710(Chính)
13.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
14.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
15.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
16.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
18.	Sản xuất than cốc	1910
19.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
20.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

21.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
22.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
23.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
26.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
27.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
28.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
29.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
30.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
33.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
35.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
36.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
37.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
38.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
42.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
43.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
44.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
45.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
46.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh (Thực hiện theo Điều 28, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội ban hành ngày 14/06/2005)	8299
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224

52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
53.	Chuyển phát	5320
54.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
55.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
56.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
57.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
58.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
59.	Bưu chính	5310
60.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
61.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
62.	Khai thác dầu thô	0610
63.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
64.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
65.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
66.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
69.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
70.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
71.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (Loại trừ môi giới chứng khoán và bảo hiểm)	4610
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
74.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
75.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
76.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
77.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
78.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
79.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
80.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
81.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399

82.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
83.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
84.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
85.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ DUY KHÁNH	Số nhà 42, Khu 1, Thị Trấn Trạm Tấu, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	250.000.000	5,000	061056882	
2	LÊ VIỆT ANH	Số 214 Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	4.750.000.000	95,000	063381056	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VIỆT ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/01/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 063381056

Ngày cấp: 31/12/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 214 Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: p617 -CT7B, Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội